UBND TỈNH KIÊN GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/QĐ-SNNPTNT	*Kiên Giang, ngày 19 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức năm vào các đơn vị sự nghiệp tự chủ năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ, ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 105/KH-SNNPTNT ngày 15/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tuyển dụng viên chức năm 2023;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào các đơn vị sự nghiệp tự chủ năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2023 và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - BGĐ Sở NN-PTNT; - Như Điều 2; - Lưu: VT; TCCB.	**GIÁM ĐỐC** CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH KIÊN GIANG Lê Hữu Toàn

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀO VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÀO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TỰ CHỦ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-SNNPTNT ngày 19/02/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học					
I. Trung tâm Nước sạch và VSMTNT														
1	Lê Minh Phương	06/6/1998		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật môi trường	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm nghiệm chất lượng nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
2	Nguyễn Văn Bi	24/4/1989		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Công nghệ Hóa học	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Kiểm nghiệm chất lượng nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
3	Đoàn Cẩm Nhung		10/11/1991	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Ngân hàng	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	01.003		Tổng hợp báo cáo thống kê tình hình hoạt động của đơn vị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo		16/5/1991	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Ngân hàng	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	01.003		Tổng hợp báo cáo thống kê tình hình hoạt động của đơn vị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
5	Cao Duy Tính	15/12/1996		Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kỹ thuật môi trường	2019	Chứng chỉ B anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
6	Phạm Hải Hưng	06/8/1997		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý tài nguyên và môi trường	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07	Hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
7	Danh Minh Khánh	20/5/1999		Châu Thành-Kiên Giang	Khmer	Đại học Quản lý tài nguyên và môi trường	2021	Chứng chỉ B2 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07	Người dân tộc thiểu số	Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
8	Phù Vĩnh Phước	26/01/1996		Hà Tiên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kỹ thuật môi trường	2019	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
9	Huỳnh Toại Nguyện	11/5/1991		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kỹ thuật môi trường	2014	Chứng chỉ B1 anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
10	Nguyễn Thị Bạch Tuyết		12/12/1982	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Thạc sỹ Khoa học môi trường	2014	Toeic 755	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
11	Phan Vủ Quang	20/7/1991		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Ngân hàng	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	V.05.02.07		Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cấp thoát nước và VSMT NT	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
12	Ngô Thị Tú Nữ		10/10/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2022	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học					
13	Trần Thị Mỹ Trang		27/5/1995	Lai Vung-Đồng Tháp	Kinh	Đại học Kế toán	2023			06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
14	Lê Hoàng Dư	26-02-1987		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
15	Lý Thị Yến Nhi		16/02/1992	Ngã Năm-Sóc Trăng	Kinh	Đại học Kế toán	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
16	Nguyễn Thanh Phong	26/10/1987		Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
17	Lê Thị Thanh Bình	13/10/1984		Kiến Xương-Thái Bình	Kinh	Đại học Kế toán	2023	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
18	Trương Quang Phúc	30/04/1985		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
19	Võ Tình Nhi		26/6/2000	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2023	Đại học Ngôn ngữ anh	Ứng dụng CNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
20	Lý Ngọc Hiền	16/9/1979		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính-Kế toán	2009	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
21	Trần Hồng Ngọc		23/9/1992	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
22	Nguyễn Thị Diễm		09/7/1994	Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2018	Chứng chỉ A2 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
23	Phan Thị Thanh Xuân		18/01/1990	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2012	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	06.031		Kế toán viên	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
24	Nguyễn Quốc Trung	17/10/1988		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2012	Chứng chỉ B anh văn	Trung cấp tin học	06.031		Hành chính quản trị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
25	Nguyễn Thị Mỹ Xuyến		29/10/2001	An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thông tin	2023		Đại học Công nghệ thông tin	01.003		Quản trị mạng và phần mềm cấp nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
26	Cao Hưởng	02/10/1988		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thông tin	2020	Chứng chỉ B anh văn	Đại học Công nghệ thông tin	01.003		Quản trị mạng và phần mềm cấp nước	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
27	Dương Văn Tùng	06/9/1986		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Cấp thoát nước	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07		Theo dõi cung ứng vật tư, thiết bị	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
28	Lê Thị Thanh Thủy		10/11/1995	Thái Thụy-Thái Bình	Kinh	Đại học Luật	2018	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
29	Đặng Văn Trung	04/06/1984		Việt Yên-Bắc Giang	Kinh	Đại học Luật	2019			01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
30	Thái Chí Quốc	23/8/1988		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2023	Chứng chỉ A anh văn	Chúng chỉ A tin học	01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học					
31	Trần Văn Xẹt	20/8/1986		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2014	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	01.003		Công tác pháp chế	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
32	Hồ Thị Huyền Trang		01/01/1998	U Minh Thượng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ kỹ thuật môi trường	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Tuyên truyền vận động cộng đồng và theo dõi đánh giá nước sạch và VSMT nông thôn	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
33	Phạm Hoàng Nhân	16/5/1998		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ kỹ thuật môi trường	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Tuyên truyền vận động cộng đồng và theo dõi đánh giá nước sạch và VSMT nông thôn	Văn phòng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT	
34	Đặng Văn Phong	17/11/1989		U Minh Thượng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thực phẩm	2012	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.07	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Vĩnh Phong	Hệ thống cấp nước khu vực	
35	Nguyễn Thị Bích Huyền		09/09/2001	Hòn Đất-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ thực phẩm	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Vĩnh Phong	Hệ thống cấp nước khu vực	
36	Trần Huy Hoàng	08/01/1990		Cẩm Xuyên-Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Kỹ thuật cấp thoát nước	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	Ứng dụng CNTT nâng cao	V.05.02.07	Con thương binh	Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Tân Khánh Hòa	Hệ thống cấp nước khu vực	
37	Nguyễn Văn Hoài	12/01/1983		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học trở lên ngành Kỹ thuật nhiệt - điện lạnh		Chứng chỉ B anh văn	Ứng dụng CNTT cơ bản	V.05.02.07		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Đông Hưng	Hệ thống cấp nước khu vực	
38	Nguyễn Việt Nhớ	01/01/1978		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Trung cấp Cấp thoát nước và Môi trường	2016	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ A tin học	V.05.02.08		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Vĩnh Thuận	Hệ thống cấp nước khu vực	
39	Hà Trần Quốc Dũng	12/6/1989		Hưng Hà-Thái Bình	Kinh	Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật điện	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chúng chỉ B tin học	V.05.02.08		Công tác vận hành cấp nước, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng đồng hồ tại Trạm cấp nước Tân Hiệp A	Hệ thống cấp nước khu vực	
II. Trung tâm Giống Nông Lâm Ngư nghiệp														
1	Phạm Quỳnh Như		29/10/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2015	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ A tin học	01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
2	Lưu Thanh Hòa	01/01/1989		Gò Quao - Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2012	Chứng chỉ B anh văn	UDCNTT cơ bản	01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
3	Danh Thị Phương Thảo		15/01/1987	Châu Thành-Kiên Giang	Khmer	Đại học Quản trị kinh doanh	2013	Chứng chỉ A Anh văn	Trung cấp tin học-kế toán	01.003	Người đân tộc thiểu số	Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
4	Huỳnh Mỹ Duyên		"09/01/2001	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2023	Chứng nhận NN anh văn B0	UDCNTT cơ bản	01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
5	Đinh Nguyễn Phương Anh		21/9/2001	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2023	Toiec 335; Chứng chỉ năng lực tiếng anh B1	UDCNTT nâng cao	01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
6	Lê Hồng Nhung	03/4/2000		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2023			01.003		Phụ trách công tác Hành chính-Tổng hợp	Phòng Hành chính - Tổng hợp	
7	Nguyễn Thành Trung	07/4/1997		Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ sinh học	2019	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Sản xuất giống cây trồng tại các trại	Trại giống Nông nghiệp Hòn Đất	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học					
8	Bùi Thị Diễm My		26/4/1997	Giồng Riềng - Kiên Giang	Kinh	Đại học Khuyến nông	2019	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Tiếp thị cung ứng	Phòng Kế hoạch - Cung ứng	
9	Phạm Vũ Anh Thư		02/6/1998	Tân Hiệp-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ sinh học	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm định, lấy mẫu và thử nghiệm	Phòng Kiểm định - Kiểm nghiệm giống Nông nghiệp	
10	Huỳnh Nhựt Lan		12/10/1998	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ sinh học	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm định, lấy mẫu và thử nghiệm	Phòng Kiểm định - Kiểm nghiệm giống Nông nghiệp	
11	Võ Thị Tú Trinh		18/7/1991	Lấp Vò-Đồng Tháp	Kinh	Thạc sỹ Công nghệ sinh học	2018	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Sản xuất Siêu nguyên chủng và khảo nghiệm tại các trại	Phòng Kỹ thuật Chọn tạo Giống Nông nghiệp	
III. Ban Quản lý Cảng cá Kiên Giang														
1	Phạm Thanh Toàn	25/10/1995		Hòn Đất-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2020	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
2	Võ Thị Tố Quyên		02/01/1993	Phước Long - Bạc Liêu	Kinh	Đại học Luật	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
3	Trần Phố	26-06-1996		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý Tài nguyên và Môi trường	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT nâng cao	V.05.02.07	Hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
4	Nguyễn Hồng Ngọc	21/6/1999		Gò Quao-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT nâng cao	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
5	Lê Thanh Thiên	19/02/1999		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	2021	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
6	Trương Văn Thừa	30/10/1986		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kinh tế luật	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
7	Nguyễn lê Phương Vũ	21/3/1989		Long Hồ-Vĩnh Long	Kinh	Đại học Luật	2017	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
8	Võ Văn Dừng	20/12/1996		Vĩnh Thuận-Kiên Giang	Kinh	Đại học Luật	2023	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Điều hành sắp xếp tàu, xe, thu dịch vụ, bảo vệ, giám sát sản lượng	Phòng Khai thác và Điều hành	
9	Đoàn Thị Tiểu Băng		22/7/2000	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2022	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
10	Nguyễn Thị Diễm Hân		26/7/2002	An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2023	Chứng nhận ngoại ngữ bậc 3	UDCNTT cơ bản	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
11	Lê Duy Khánh	28/8/1983		An Biên-Kiên Giang	Kinh	Đại học Kế toán	2012	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ A tin học	06.031	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
12	Triệu Minh Giúp	19/9/1990		Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính Ngân hàng	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
13	Nguyễn Thị Thanh Bình		28/01/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Tài chính Ngân hàng	2017	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	06.031		Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
14	Trần Thị Ngọc Bích		05/4/1991	Nghi Xuân-Hà Tĩnh	Kinh	Đại học Kế toán	2017	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học		Con thương binh	Kế toán viên	Phòng Hành chính-Tổng hợp	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Dân tộc	Trình độ				Dự thi ngạch	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Vị trí việc làm	Vị trí công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Tin học					
15	Nguyễn Thị Ngọc Luận		12/02/1991	Giồng Riềng-Kiên	Kinh	Đại học Tài chính Ngân hàng	2015	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	01.003		Thủ quỹ	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
16	Trần Thành	13-03-2000		An Minh-Kiên Giang	Kinh	Đại học Khoa học môi trường	2022	Toeic 275	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kỹ thuật môi trường	Phòng quản lý hạ tầng và môi trường	
17	Huỳnh Thị Hoàng Anh		26/3/1996	Châu Thành-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý Tài nguyên và Môi trường	2018	Toeic 630	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Theo dõi tổng hợp thống kê hợp đồng	Phòng quản lý hạ tầng và môi trường	
IV. Trung tâm Đăng kiểm tàu cá														
1	Lê Thị Thùy Dương		01/7/1991	Tp. Sóc Trăng - Sóc Trăng	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2014	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ B tin học	V.05.02.07		Văn thư, lưu trữ kiêm công tác hành chính - tổng hợp	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
2	Quách Thị Huỳnh Nga		14/3/1993	Rạch Giá-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2021	Chứng chỉ B anh văn	Đại học Kỹ thuật máy tính	V.05.02.07		Văn thư, lưu trữ kiêm công tác hành chính - tổng hợp	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
	Lê Thị Phương Hoa		;08/3/1989	Châu Thành-kiên Giang	Kinh	Đại học Quản trị kinh doanh	2013	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	V.05.02.07		Văn thư, lưu trữ kiêm công tác hành chính - tổng hợp	Phòng Hành chính-Tổng hợp	
3	Nguyễn Thị Anh Thư		12/3/1992	Giồng Riềng-Kiên Giang	Kinh	Đại học Quản lý nguồn lợi thủy sản	2015	Chứng chỉ B1 anh văn	Chứng chỉ A tin học	V.05.02.07		Thực hiện quản lý hệ thống giám sát tàu cá và dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh; Phối hợp rà soát truy suất dữ liệu từ hệ thống giám sát tàu cá phục vụ công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản.	Phòng Quản lý hệ thống giám sát tàu cá	
4	Khâu Quang Hiệp	10/6/1996		Thiệu Hóa-Thanh Hóa	Kinh	Đại học Khoa học máy tính	2020	Chứng chỉ B2 anh văn	Đại học Khoa học máy tính	V.05.02.07		Thực hiện quản lý hệ thống giám sát tàu cá và dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh; Phối hợp rà soát truy suất dữ liệu từ hệ thống giám sát tàu cá phục vụ công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản.	Phòng Quản lý hệ thống giám sát tàu cá	
5	Đoàn Trần Đại	01/01/1989		Thị xã Duyên Hải-Trà Vinh	Kinh	Đại học Quản lý nghề cá	2011	Chứng chỉ B1 anh văn	UDCNTT cơ bản	V.05.02.07		Kiểm tra đánh giá cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; Thẩm định phê duyệt các hồ sơ thiết kế kỹ thuật tàu cá đóng mới, cải hoán hoàn công và thiết bị nghề cá theo quy định.	Phòng Nghiệp vụ	
6	Phạm Phú Quốc	14/9/1991		Núi Thành-Quảng Nam	Kinh	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	2018	Chứng chỉ B anh văn	Chứng chỉ B tin học	V.05.02.07		Kiểm tra đánh giá cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; Thẩm định phê duyệt các hồ sơ thiết kế kỹ thuật tàu cá đóng mới, cải hoán hoàn công và thiết bị nghề cá theo quy định.	Phòng Nghiệp vụ	